

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Sở Tài chính tại Tờ trình số 799/TTr-STC ngày 30/3/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2020 của Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

**1. Quyết toán nguồn thu:**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Quyết toán
<b>I</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>17.955.775.206</b>	<b>17.614.527.206</b>
1	Nguồn được trích theo kế hoạch	16.012.392.000	15.671.144.000
2	Nguồn năm trước chuyển sang	1.605.527.206	1.605.527.206
3	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	337.856.000	337.856.000
4	Nguồn khác (nếu có)	-	
<b>II</b>	<b>Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng</b>	<b>8.161.716.206</b>	<b>10.168.851.106</b>
<b>III</b>	<b>Nguồn thu được sử dụng trong năm (III = I - II)</b>	<b>9.794.059.000</b>	<b>7.445.676.100</b>

## 2. Quyết toán các khoản chi:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.794.059.000</b>	<b>3.906.239.100</b>	
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>9.734.059.000</b>	<b>3.867.239.100</b>	
1	Tiền lương	1.878.539.000	1.679.947.800	
2	Tiền công	211.200.000	48.000.000	
3	Các khoản phụ cấp lương	319.537.000	230.339.200	
4	Các khoản trích nộp theo lương	509.390.000	409.295.800	
5	Chi khen thưởng	-	-	
6	Chi phúc lợi tập thể	-	-	
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	488.620.000	124.180.600	
8	Chi mua vật tư văn phòng	405.600.000	104.752.900	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	266.440.000	129.629.200	
10	Chi hội nghị	282.000.000	-	
11	Chi thanh toán công tác phí	1.272.000.000	216.634.000	
12	Chi phí thuê mướn	2.100.000.000	514.241.000	
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	-	-	
14	Chi đoàn vào	300.000.000	-	
15	Khấu hao tài sản cố định	-	-	

16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	750.000.000	105.868.000	
17	Chi phí khác	950.733.000	304.350.600	
<b>II</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>60.000.000</b>	<b>39.000.000</b>	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	60.000.000	39.000.000	
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	-	-	
5	Chi khác	-	-	

### 3. Quyết toán trích lập các Quỹ:

Đơn vị tính: đồng

STT	Quỹ	Quyết toán
	<b>Tổng số</b>	<b>3.539.437.000</b>
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	900.000.000
2	Quỹ bổ sung thu nhập	2.239.437.000
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm	2.239.437.000
3	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	400.000.000

**Điều 2.** Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm 2020 cho dự án cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b>7.445.676.100</b>	
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8, tỉnh Quảng Trị	13,90	1.034.677.000	
2	Hệ thống thủy lợi Ba Hồ Bản Chùa	16,10	1.199.082.000	

3	Dự án Hiện đại ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Trị	30,10	2.241.385.000	
4	Sửa chữa khẩn cấp kè biển Vịnh Mốc, xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh (giai đoạn 2)	1,84	136.916.000	
5	Kè chống xói lở bờ sông Ô Lâu, huyện Hải Lăng	2,45	182.555.000	
6	Kè chống sạt lở khẩn cấp dọc bờ sông Thạch Hãn đoạn qua thị xã Quảng Trị, huyện Triệu Phong và thành phố Đông Hà	0,91	68.002.000	
7	Sửa chữa khẩn cấp kè biển Cửa Việt	1,84	136.916.000	
8	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới Việt - Lào (GD 2)	0,61	45.639.000	
9	Nâng cấp đê hữu Bến Hải đoạn Xuân Long - Xuân Hòa thuộc DA Nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đê biển tỉnh Quảng Trị	0,79	58.844.000	
10	Nâng cấp đê tả Thạch Hãn đoạn Mai Xá, xã Gio Mai thuộc DA Nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đê biển tỉnh Quảng Trị	0,68	50.519.000	
11	Khắc phục sạt lở đê biển Vĩnh Thái	3,06	228.195.100	
12	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới Việt - Lào (GD 1)	1,38	102.450.000	
13	Sửa chữa khẩn cấp tràn xả lũ Nam Thạch Hãn (GD 2)	7,67	571.236.000	
14	Nâng cấp đê biển Vĩnh Thái thuộc DA Nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đê biển tỉnh Quảng Trị	2,48	184.791.000	
15	Nạo vét cửa sông Bến Hải	0,81	60.014.000	

16	Sửa chữa khẩn cấp kè biển Vịnh Mốc, xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh (gđ 1)	0,87	65.099.000	
17	Vùng nuôi tôm nước lợ thôn Lưỡng Kim, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong thuộc DA Phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị	1,03	76.415.000	
18	Vùng nuôi tôm nước lợ HTX Huỳnh Hạ, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh thuộc DA Phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị	2,07	153.974.000	
19	Nâng cấp trại cá giống Trúc Kinh, xã Gio Quang, huyện Gio Linh thuộc DA Phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị	0,36	26.549.000	
20	Vùng nuôi cá HTX My Trường, xã Hải Trường, huyện Hải Lăng thuộc DA Phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị	1,90	141.357.000	
21	Vùng nuôi cá HTX Thủy Trung, xã Vĩnh Trung, huyện Vĩnh Linh thuộc DA Phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị	1,39	103.248.000	
22	Vùng nuôi tôm nước lợ Khu A, HTX Hòa Châu, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh thuộc DA Phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị	1,87	139.475.000	

23	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị	0,71	53.024.000	
24	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Thạch Hãn đoạn qua thôn Trà Liên Đông, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong	3,80	282.931.000	
25	Đập dâng Bến Than	1,38	102.383.000	

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Trị, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị và Thủ trưởng các ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Noinhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TM. *ng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Tiến**